

SỞ Y TẾ PHÚ THO
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM KHÊ

PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC SỐ LƯỢNG VẮC XIN (VẮC XIN, SINH PHẨM) TIÊM CHỦNG DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHUYÊN MÔN NĂM 2025 -
2026 TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM KHÊ**

(Đính kèm công văn số: 164 /TTYT-KD ngày 14 tháng 03 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê)

STT	Số TT theo thông tư 19/2018	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	367	Vắc xin phòng lao	Nhóm 4	0,5mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Ống	400
2	380	Vắc xin phòng 6 bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm gan B, Hib	Nhóm 1	0,5ml: $\geq 30\text{IU}$; $\geq 40\text{IU}$; 25mcg, 25mcg, 8mcg; 10mcg; 40DU, 8DU, 32DU; 10mcg, 25mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp	1.400
3	380	Vắc xin phòng 6 bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm gan B, Hib	Nhóm 1	0,5ml: $\geq 20\text{IU}$; $\geq 40\text{IU}$; 25mcg, 25mcg; 40DU, 8DU, 32DU; 10mcg; 12mcg, 22- 36mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.400
4	382	Vắc xin ngừa phế cầu polysaccharid + protein vận chuyển	Nhóm 1	1mcg; 3mcg/ 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều	3.000
5	382	Vắc xin ngừa phế cầu polysaccharid + protein vận chuyển	Nhóm 1	0,5ml: 2,2mcg + 32mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	500
6	386	Vắc xin phòng bệnh tiêu chảy do Rotavirus- chủng RIX4414	Nhóm 1	$\geq 10^{6,0}$ CCID ₅₀ /1,5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	400
7	388	Vắc xin phòng bệnh não mô cầu tuýp B và C	Nhóm 5	50mcg; 50mcg / 0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1.500
8	388	Vắc xin phòng não mô cầu (A, C, Y, W135) + huyết thanh kháng bạch hầu	Nhóm 5	4mcg; 4mcg; 4mcg; 4mcg; 48 mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	500
9	392	Vắc xin phòng thủy đậu- Oka/Merck	Nhóm 1	≥ 1.350 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	400
10	392	Vắc xin phòng thủy đậu- chủng OKA	Nhóm 1	$\geq 103,3$ PFU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	400

STT	Số TT theo thông tư 19/2018	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
11	392	Virus thủy đậu sống giảm độc lực ≥ 1.400 PFU	Nhóm 2	≥ 1.400 PFU/ 0,5ml	Tiêm dưới da	Bột đông khô	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống dung môi pha tiêm	400
12	374	Vắc xin phòng bệnh viêm não Nhật Bản: chủng SA 14-14-2	Nhóm 5	4,0-5,8 log PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	400
13	374	Vắc xin phòng bệnh viêm não Nhật Bản: chủng SA 14-14-2	Nhóm 5	3mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	300
14	374	Vắc xin phòng bệnh viêm não Nhật Bản: chủng SA 14-14-2	Nhóm 5	6mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	200
15	391	Vắc xin sởi, quai bị, rubella	Nhóm 1	≥ 1.000 CCID ₅₀ ; ≥ 12.500 CCID ₅₀ ; ≥ 1.000 CCID ₅₀	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	600
16	391	Vắc xin sởi, quai bị, rubella	Nhóm 5	(≥ 1.000 CCID50 + ≥ 5.000 CCID50 + ≥ 1.000 CCID50)/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	600
17	391	Vắc xin sởi, quai bị, rubella	Nhóm 1	5ml: $\geq 103,0$ CCID50; $\geq$ 103,7 CCID50; $\geq 103,0$ CCID50	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	400
18	387	Vắc xin phòng bệnh cúm mùa (A-H1N1; A- H3N2; B-2013; B-2019)	Nhóm 1	0,5ml: 15mcg; 15mcg; 15mcg; 15mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.500
19	387	Vắc xin phòng bệnh cúm mùa (A-H1N1; A- H3N2; B-2013; B-2019)	Nhóm 2	0,5ml: 15mcg; 15mcg; 15mcg; 15mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.500
20	387	Vắc xin phòng bệnh cúm mùa (A-H1N1; A- H3N2; B-2013; B-2019)	Nhóm 1	0,5ml: 15mcg; 15mcg; 15mcg; 15mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Xy lanh	1.500
21	390	Vắc xin phòng vi rút HPV ở người tít 6, 11, 16, 18	Nhóm 1	0,5ml: 20mcg; 40mcg; 40mcg; 20mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	300
22	390	Vắc xin phòng vi rút HPV ở người tít 6, 11, 16, 18, 31, 33, 45, 52, 58	Nhóm 1	0,5ml: 30mcg; 40mcg; 60mcg; 40mcg; 20mcg; 20mcg; 20mcg; 20mcg;	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.000
23	371	Vắc xin phòng bệnh viêm gan B	Nhóm 5	10mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	300
24	371	Vắc xin phòng bệnh viêm gan B	Nhóm 5	20 mcg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1.000

STT	Số TT theo thông tư 19/2018	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
25	2023GV1.36	Huyết thanh kháng viêm gan B(Human hepatitis B immunoglobulin)	Nhóm 1	180IU/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	200
26	393	Virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt	Nhóm 1	80U / 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	300
27	393	Vắc xin phòng bệnh viêm gan A	Nhóm 4	<200mcg/ml x 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	300
28	373	Vắc xin phòng uốn ván	Nhóm 4	≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	300
29	379	Vắc xin phòng bệnh dại- chủng Pitman Moore	Nhóm 5	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	3.000
30	379	Vắc xin phòng bệnh dại- chủng Wistar PM/WI 38 1503- 3M	Nhóm 1	≥ 2,5IU /0.5 ml	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	3.000
31	379	Vắc xin phòng bệnh dại- chủng L.Pasteur 2061/Vero	Nhóm 5	≥2,5UI/liều	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	3.000
32	364	Huyết thanh kháng dại	Nhóm 4	1000 IU/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	400
Tổng: 32 danh mục								